

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày 19 - 8 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Văn Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Sửu- Giáo viên

Bà Đỗ Thị Kim Hạnh

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 25/5/2004 tại tỉnh V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã V, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022 đến nay (có mặt);

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lê Văn Duy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có đơn xin vắng mặt).

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện L, tỉnh V (có mặt);

2. Anh Trần Mạnh Tr, sinh ngày 28/8/2005 (vắng mặt);

*Người đại diện hợp pháp của anh Trần Mạnh Tr:* Bà Tạ Thị Ph, sinh năm 1962; là mẹ đẻ của anh Tr (vắng mặt);

Đều cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện L, V

3. Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn V, xã Tr, huyện L, tỉnh V (vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn Đ nảy sinh ý định giả danh là ông Nguyễn Chí Th để lừa vay tiền của anh Nguyễn Chí C ở cùng thôn (ông Thường là bác ruột của Đ và là chú ruột của anh C). Buổi tối ngày 03/12/2021, Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của mình đăng nhập tài khoản facebook có tên “Nguyễn Văn Đào”, tìm vào trang cá nhân facebook của ông Th và tải hình ảnh của ông Th về điện thoại. Sau đó, Đ lập 01 tài khoản facebook ảo mang tên “Nguyễn Chí Th”, lấy hình ảnh của ông Th gắn làm ảnh đại diện cho tài khoản ảo này. Sáng ngày 04/12/2021, Đào liên lạc với bạn là Trần Mạnh Tr hỏi mượn số tài khoản ngân hàng của Tr để nhận tiền (Đ nói với Tr là thẻ ATM của mình bị hỏng không rút được tiền). Tr đồng ý và nhắn tin số tài khoản ngân hàng của mình mở tại ngân hàng cổ phần quân đội cho Đ. Sau khi có số tài khoản ngân hàng của Tr, Đ đăng nhập tài khoản facebook ảo mang tên “Nguyễn Chí Thường” lập từ tối hôm trước, tìm bài viết của anh C và vào mục bình luận với nội dung “*vào nhắn tin chú bảo*”, anh C nghĩ là ông Th hỏi nên vào ứng dụng tin nhắn, nhắn lại: “*Bảo cháu gì đấy*”, qua tin nhắn, Đ giả danh là ông Th hỏi vay của anh C số tiền 20.000.000đ để mua bò và hẹn buổi tối cùng ngày sẽ trả. Do nghĩ là ông Th hỏi vay nên anh C đồng ý và chuyển số tiền 20.000.000đ từ tài khoản ngân hàng của mình sang số tài khoản ngân hàng Đ cho (là số tài khoản ngân hàng Đ mượn của Tr). Sau khi xác định đã nhận được tiền, Đào xóa bỏ tài khoản ảo mang tên “Nguyễn Chí Th”. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Đào đi đến công trường nghề huyện L gặp và hỏi Tr có biết chỗ nào rút được tiền không, Tr nói với Đ: “*tôi biết ở Triệu Đề có dịch vụ chuyển và rút tiền, có thể rút được tiền ngay*”. Sau đó Đ và Tr cùng đi đến quán sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Chí C ở thôn V, xã Tr, huyện L làm nghề sửa chữa điện thoại và dịch vụ chuyển, rút tiền. Đến nơi, Đ nói muốn rút tiền, anh C đồng ý, đọc số tài khoản ngân hàng cho Tr chuyển khoản số tiền 20.000.000đ rồi đưa 20.000.000đ tiền mặt cho Đ và thu phí dịch vụ 50.000đ, Đ cầm tiền đi về và tiêu xài một mình hết. Khi anh C gặp và hỏi ông Th vay tiền làm

gì, ông Th trả lời không vay tiền. Lúc này anh C phát hiện mình bị người khác giả danh lừa vay tiền và làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Quá trình điều tra tại các tài khoản ngân hàng xác định: Ngày 04/12/2021, tài khoản ngân hàng số 0016094719999 của anh Nguyễn Chí C chuyển 20.000.000đ đến tài khoản ngân hàng số 0961057224 của anh Trần Mạnh Tr; tài khoản ngân hàng số 0961057224 của anh Trần Mạnh Tr chuyển 20.000.000đ đến tài khoản ngân hàng số 3550120909003 của anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1984 ở xã Tr.

Đối với anh Trần Mạnh Tr cho Đ mượn số tài khoản để chuyển, nhận tiền và cùng Đ đi rút tiền ở xã Tr. Đ nói với anh Tr mượn số tài khoản để nhận tiền do thẻ ATM của Đào bị hỏng nên anh Tr không biết, không tham gia, không được hưởng lợi ích gì từ việc Đ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Chí C là người làm dịch vụ cho Đ rút số tiền 20.000.000đ, tuy nhiên anh C không biết số tiền đó là do Đ phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

\* Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Đ cùng mẹ đẻ đã tự nguyện bồi thường cho anh C số tiền 20.000.000đ. Đến nay, anh C không yêu cầu Đ phải bồi thường gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Đ.

\* Về vật chứng của vụ án:

Thu giữ của anh Tr: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng, bên trong lắp 01 thẻ sim và 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng MB mang tên Trần Mạnh Tr. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tr toàn bộ các tài sản, đồ vật nêu trên.

Thu giữ của bị cáo Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 14/7/2022, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn Đ như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng Khoản 1 Điều 174;

điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 98; Điều 101 khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 14 tháng tù cho hưởng án thời gian treo thử thách 24 đến 28 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; xác nhận về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo được thể hiện trong bài bào chữa gửi cho Hội đồng xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện L đã truy tố. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào buổi sáng ngày 04/12/2021 tại thôn X, xã V, huyện L, tỉnh V, Nguyễn Văn Đ đã sử dụng tài khoản Facebook giả danh là ông Nguyễn Chí Th lừa hỏi vay của anh Nguyễn Chí C số tiền 20.000.000đ. Sau khi được anh C chuyển khoản số tiền 20.000.000đ, Đ đã chiếm đoạt và tiêu xài hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định: “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của*

*người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong Nhân dân, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật và năng lực điều khiển hành vi, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã cố ý sử dụng thủ đoạn gian dối là giả danh tài khoản mạng xã hội Facebook của ông Nguyễn Chí Th, dựa vào mối quan hệ của ông Th là người thân thích của cả anh Nguyễn Chí C và bị cáo, lợi dụng lòng tin của anh C đối với ông Th để hỏi vay tiền và chiếm đoạt của anh C số tiền là 20.000.000đ. Bị cáo và anh C còn có mối quan hệ anh em họ với nhau, nhưng bị cáo vẫn cố ý chiếm đoạt tài sản của anh C. Điều đó thể hiện bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, nên phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và hậu quả do hành vi đó gây nên. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường, bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên mới 17 tuổi 06 tháng 10 ngày, nhận thức còn hạn chế nhất, vì vậy có thể xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là thể hiện chính sách nhân đạo của nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội và ấn định một thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, như vậy cũng đủ điều kiện để bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, tại Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01*

*năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.*

[5] Đối với anh Trần Mạnh Tr và anh Nguyễn Chí C (Cư trú tại xã Tr): Anh Tr cho bị cáo mượn số tài khoản để chuyển, nhận tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của người khác và cùng bị cáo đi rút tiền, nhưng anh Tr không biết về hành vi phạm tội của bị cáo và không được hưởng lợi ích vật chất gì từ hành vi đó. Anh C là người làm dịch vụ cho bị cáo rút số tiền 20.000.000đ và thu phí dịch vụ 50.000đ, anh C cũng không biết số tiền đó là do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với hành vi của anh Tr và anh C là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đ cùng mẹ đẻ đã tự nguyện bồi thường, trả lại cho anh Công số tiền 20.000.000đ. Anh C đã nhận đầy đủ, và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên cần được xác nhận.

Đối với chị H là mẹ đẻ Đ cùng với bị cáo bồi thường 20.000.000đ cho anh C, chị H tự nguyện cho và không yêu cầu Đ phải trả lại

Đối với sự vắng mặt tại phiên tòa của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy rằng đã có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra và không có yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng là tài sản của bị cáo Đào dung để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

01 thẻ sim của bị cáo Đ sử dụng để thực hiện tội phạm nhưng không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ là giấy tờ tùy thân của bị cáo Đào không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng, bên trong lắp 01 thẻ sim và 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng MB mang tên Trần Mạnh Tr là tài sản hợp pháp của anh Tr có liên quan đến tội phạm. Tuy nhiên, anh Tr không biết về hành vi phạm tội của bị cáo Đ. Ngày 06/06/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho anh Tr các tài sản, đồ vật nêu trên; anh Tr đã nhận lại đầy đủ và không có ý kiến, đề nghị gì, nên cần được xác nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 98; Điều 101; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự ; Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01(một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xác nhận bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường, trả lại cho anh Nguyễn Chí C số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng của bị cáo Đ. Tịch thu, tiêu hủy 01 thẻ sim của bị cáo Đ.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2022 giữa Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).

Xác nhận ngày 06/06/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho anh Tr 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng, bên trong lắp 01 thẻ sim và 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng MB mang tên Trần Mạnh Tr là đúng chủ sở hữu.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký và đóng dấu**

**Trần Văn Sơn**